



BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

SỔ TAY ĐIỀU TRA VIÊN
KHỐI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
NĂM 2017



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



**BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

**SỔ TAY ĐIỀU TRA VIÊN
KHỐI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
NĂM 2017**



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017 (sau đây gọi tắt là Tổng điều tra), ngày 26/12/2016 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký Quyết định số 1896/QĐ-BKHĐT ban hành Phương án Tổng điều tra. Cuộc Tổng điều tra này được tiến hành trên phạm vi cả nước, bao gồm toàn bộ các cơ sở đang hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc mọi loại hình kinh tế; các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, trong đó: các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là một trong các đối tượng của Tổng điều tra.

Thông tin thu thập được về số cơ sở, số lượng và trình độ của lao động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin... từ các đơn vị sản xuất kinh doanh cá thể góp phần tạo nên một bức tranh tổng hợp chung của toàn bộ nền kinh tế. Qua đó, giúp các nhà hoạch định chính sách của Đảng, Nhà nước có căn cứ thực tiễn vững chắc trong việc ban hành những chính sách phát triển phù hợp cho từng vùng, từng ngành; bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính trong thời gian tới.

*Để có thể thu thập được số liệu một cách đầy đủ, chính xác, đảm bảo thành công của cuộc Tổng điều tra nói chung và của khối cá thể nói riêng, rất cần có những người điều tra viên am hiểu nghiệp vụ và có tinh thần trách nhiệm cao. Cuốn “**Sổ tay điều tra viên**” được biên soạn nhằm giúp điều tra viên hiểu rõ ý nghĩa, mục đích, phạm vi, đối tượng điều tra, những công việc cần làm, nội dung thông tin cần thu thập và một số trường hợp đặc biệt có thể gặp trong quá trình điều tra tại địa bàn.*

Đối với mỗi điều tra viên, cuốn “Sổ tay điều tra viên” là cẩm nang không thể thiếu. Trước khi tiến hành điều tra tại địa bàn, điều tra viên cần nghiên cứu kỹ những nội dung được trình bày trong cuốn sổ tay này.

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	3
Phần I Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2017 (tóm tắt)	7
1 Mục đích tổng điều tra	7
2 Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra	7
3 Phiếu điều tra	8
4 Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn	9
5 Phương pháp điều tra	9
6 Công bố kết quả	9
7 Nghiệm thu phiếu điều tra	9
Phần II Nhiệm vụ của điều tra viên	10
1 Nhiệm vụ chung	10
2 Nhiệm vụ cụ thể	11
Phần III Những nội dung nghiệp vụ cần lưu ý	14
1 Nhận dạng đơn vị điều tra	14
2 Một số trường hợp đặc thù cần lưu ý	14
Phần IV Giải thích và hướng dẫn cách ghi phiếu	19
1 Cách ghi thông tin chung trong 05 loại phiếu	19
2 Cách ghi thông tin chung trong 04 loại phiếu (2A, 2B, 2C và 2D)	25
3 Cách ghi thông tin riêng cho từng loại phiếu	27
Phụ lục 1 Các mẫu phiếu thu thập thông tin (2, 2A, 2B, 2C và 2D)	33
Phụ lục 2 Mẫu phiếu “Phiếu giao nhận số lượng và kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu điều tra giữa điều tra viên và đội trưởng”	61

PHẦN I

PHƯƠNG ÁN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

(Tóm tắt)

Phương án Tổng điều tra kinh tế 2017 được ban hành theo Quyết định số 1896/QĐ-BKHĐT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Để phục vụ cho điều tra khối cá thể, Ban chỉ đạo điều tra Trung ương tóm tắt một số nội dung của Phương án như sau:

1. Mục đích tổng điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2017 thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp; kết quả sản xuất kinh doanh; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu và sự phân bố của các cơ sở, của lao động theo địa phương, ngành kinh tế, hình thức sở hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương;

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2016, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia;

Ba là, bổ sung số liệu và cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, dàn mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp cho các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

2.1. Đối tượng, đơn vị điều tra: các cơ sở đang hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc mọi loại hình kinh tế, các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, thỏa mãn cả ba điều kiện sau đây:

- Có địa điểm cố định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động thuộc các ngành kinh tế;

- Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

- Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh.

Riêng các cơ sở đã đăng ký kinh doanh nhưng chưa đi vào hoạt động, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các cơ sở tạm ngừng SXKD theo thời vụ hoặc để đầu tư mở rộng quy mô SXKD, đổi mới công nghệ, sửa chữa, chuyển đổi mô hình pháp lý hoặc tổ chức, chờ sáp nhập, giải thể... nhưng bộ phận quản lý đang hoạt động, có thể trả lời thông tin trên phiếu vẫn là các đơn vị điều tra.

Các đơn vị điều tra của Tổng điều tra được chia thành 4 khối:

- Khối doanh nghiệp;

- Khối hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam);

- Khối cá thể;

- Khối tôn giáo.

2.2. Phạm vi điều tra

- Thực hiện điều tra toàn bộ trên phạm vi cả nước đối với các loại đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế, các ngành kinh tế từ ngành A đến ngành U theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2007 (VSIC 2007).

Đối với khối cá thể không bao gồm các hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đã điều tra trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016).

3. Phiếu điều tra

Áp dụng 5 loại phiếu (không kể bảng kê)

+ Phiếu 2/TĐTKT-CT: *Áp dụng cho cơ sở không thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả SXKD;*

+ Phiếu 2A/TĐTKT-CN: *Áp dụng cho cơ sở thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả sản xuất công nghiệp;*

+ Phiếu 2B/TĐTKT-VT: *Áp dụng cho cơ sở thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả kinh doanh vận tải, kho bãi;*

+ Phiếu 2C/TĐTKT-TN: *Áp dụng cho cơ sở thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả kinh doanh bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;*

+ Phiếu 2D/TĐTKT-DV: *Áp dụng cho cơ sở thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả kinh doanh dịch vụ.*

Mỗi cơ sở SXKD cá thể chỉ thực hiện 01 trong 05 loại phiếu nêu trên.

4. Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn

- Khởi cá thể: bắt đầu từ ngày 01/7/2017 (thu thập trong 30 ngày).

5. Phương pháp điều tra

Áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp đối với chủ cơ sở hoặc người quản lý cơ sở, người bán hàng (nếu người đó có thể trả lời đầy đủ, chính xác các thông tin trong phiếu điều tra).

6. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả Tổng điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố theo quy định của pháp luật. Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh chỉ công bố kết quả Tổng điều tra ở địa phương mình theo đúng kết quả do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã công bố.

- Số liệu sơ bộ công bố vào tháng 12 năm 2017.

- Kết quả chính thức công bố vào quý III năm 2018.

7. Nghiệm thu phiếu điều tra

Nghiệm thu phiếu cá thể được tổ chức như sau:

- Tổ trưởng nghiệm thu phiếu của điều tra viên. Ban Chỉ đạo cấp xã nghiệm thu phiếu của tổ trưởng trước ngày 05/8/2017, sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn;

Tiến độ tổ chức nghiệm thu qui định như sau:

+ Cấp huyện nghiệm thu cấp xã: trước ngày 20/8/2017;

+ Cấp tỉnh nghiệm thu cấp huyện: trước ngày 20/9/2017;

+ Cấp Trung ương nghiệm thu cấp tỉnh: trước ngày 15/10/2017.

PHẦN II

NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

(Áp dụng đối với ĐTV thu thập thông tin của các cơ sở SXKD cá thể có địa điểm cố định sẽ thực hiện phiếu điều tra kết quả SXKD)

Điều tra viên (viết tắt là ĐTV) là người thu thập thông tin ban đầu. Thông tin ban đầu được thu thập một cách đầy đủ, phản ánh đúng thực tế khách quan là yếu tố quyết định tính chính xác của các chỉ tiêu thống kê tổng hợp và đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của cuộc Tổng điều tra. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, ĐTV còn góp phần giảm chi phí cho các công việc tiếp theo của quá trình điều tra, chẳng hạn như: giảm chi phí xác minh lại thông tin, làm sạch dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý... Vì vậy, mỗi ĐTV cần quán triệt nhiệm vụ và công việc được giao dưới đây.

1. Nhiệm vụ chung

- Nhận phiếu điều tra và danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn, liên hệ hoặc trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để thu thập thông tin trong phiếu điều tra theo đúng hướng dẫn.

- Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra trên địa bàn được phân công, kiểm tra và hoàn thiện phiếu điều tra, giao nộp phiếu điều tra hoàn chỉnh cho tổ trưởng hoặc người có thẩm quyền.

- Trước khi đến cơ sở, ĐTV phải đọc kỹ Phương án Tổng điều tra, phân loại phiếu điều tra phù hợp với từng loại cơ sở sản xuất kinh doanh điều tra cá thể dựa vào danh sách cơ sở được phân công điều tra (cơ sở nào sử dụng phiếu chung, cơ sở nào dùng phiếu điều tra mẫu để phỏng vấn). Phối hợp với tổ trưởng kiểm tra lại những thông tin sẵn có của từng cơ sở.

- Trong quá trình thu thập thông tin, ĐTV cần gợi ý để người trả lời cung cấp thông tin một cách chính xác và ghi rõ ràng vào phiếu điều tra. Nếu nhận thấy thông tin được cung cấp chưa rõ, khó điền chính xác vào phiếu điều tra, cần phải trao đổi lại. Chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực, đã được kiểm tra, không tự ý điền thông tin vào phiếu điều tra.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Nhiệm vụ cụ thể của ĐTV được thể hiện trong ba giai đoạn của quá trình thu thập thông tin: Chuẩn bị điều tra - Thực hiện điều tra tại địa bàn - Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao phiếu điều tra.

2.1. Giai đoạn chuẩn bị điều tra

Trong thời gian chuẩn bị điều tra, ĐTV phải:

- Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ do Ban chỉ đạo Tổng điều tra (BCĐTĐT) cấp địa phương tổ chức. Tham dự tập huấn, ĐTV được trang bị đầy đủ kiến thức chủ yếu liên quan đến nhận dạng đơn vị, nội dung, phương pháp điều tra, được chia sẻ kinh nghiệm thực tế và được thực hành với các trường hợp đặc thù. Tại các lớp tập huấn, ĐTV còn được thảo luận, giải đáp thắc mắc, hoặc được làm rõ thêm những nội dung còn vướng mắc.

- Nghiên cứu kỹ cuốn “Sổ tay điều tra viên khối cơ sở SXKD cá thể” để nắm vững nghiệp vụ Tổng điều tra trước khi đến cơ sở thu thập thông tin giúp ĐTV tự tin khi tiếp xúc với cơ sở. Chẳng hạn, nắm vững mục đích Tổng điều tra khi tiếp xúc với chủ cơ sở, ĐTV sẽ giải thích rõ ràng, mạch lạc mục đích Tổng điều tra kinh tế với chủ cơ sở, họ sẽ hiểu và sẵn sàng hợp tác với ĐTV trong quá trình phỏng vấn. Hoặc, khi ĐTV hiểu rõ toàn bộ nội dung trong phiếu điều tra, chuẩn bị sẵn những tình huống có thể xảy ra trong thực tế của từng mục trong phiếu điều tra trước khi tiếp cận với cơ sở, ĐTV sẽ không bị lúng túng, có cách xử lý thông minh, phù hợp với từng đối tượng điều tra và tạo được niềm tin với người trả lời, công việc của ĐTV sẽ được thuận lợi hơn. Ngược lại, người trả lời sẽ không có thiện cảm và không hợp tác với ĐTV.

- Chủ động tiếp cận, trao đổi công việc với tổ trưởng phụ trách địa bàn để nắm bắt các thông tin cần thiết như: số điện thoại liên hệ, địa điểm cần gặp, tiếp nhận kế hoạch của tổ, các tài liệu, dụng cụ phục vụ điều tra, thời gian điều tra và giao nhận tài liệu và một số thông tin khác.

- Nghiên cứu kỹ danh sách đơn vị điều tra, khảo sát địa bàn điều tra được phân công, lập lịch trình chi tiết cho từng ngày đến các cơ sở để thu thập thông tin và gửi lịch trình điều tra cho tổ trưởng.

- Nhận phiếu, tài liệu điều tra, các trang thiết bị, vật tư cần thiết cho điều tra viên (phiếu điều tra, giải thích phiếu điều tra, sổ liệt kê danh sách đơn vị điều tra, sổ tay điều tra viên, sổ ghi chép, bút bi;...).

2.2. Giai đoạn thực hiện điều tra tại địa bàn

- Đến đơn vị điều tra, phải mang theo: lịch trình điều tra, danh sách các đơn vị điều tra được phân công, nắm rõ số cơ sở sẽ thực hiện từng loại phiếu điều tra để mang số lượng phiếu điều tra phù hợp. Cần nắm chắc danh sách:

- + Cơ sở thực hiện phiếu điều tra chung (Phiếu 2/TĐTKT-CT).
- + Cơ sở thực hiện phiếu điều tra mẫu hoạt động sản xuất công nghiệp (Phiếu 2A/TĐTKT-CN).
- + Cơ sở thực hiện phiếu điều tra mẫu hoạt động vận tải, kho bãi (Phiếu 2B/TĐTKT-VT).
- + Cơ sở thực hiện phiếu điều tra mẫu hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (Phiếu 2C/TĐTKT-TN).
- + Cơ sở thực hiện phiếu điều tra mẫu hoạt động lưu trú, ăn uống và một số dịch vụ khác (Phiếu 2D/TĐTKT-DV).

- Khi tiếp xúc với đơn vị điều tra, bạn cần chào, giới thiệu tên, chức danh, giải thích sự hiện diện của bạn tại cơ sở và đề đạt nguyện vọng cần gặp chủ cơ sở. Khi tiếp xúc với chủ cơ sở, cũng cần có thái độ nhã nhặn, chào hỏi, giới thiệu và nói rõ nhiệm vụ của bạn. Trước khi phỏng vấn thu thập thông tin, cần giải thích ngắn gọn, rõ ràng mục đích của cuộc Tổng điều tra để nhận được sự hợp tác của người trả lời.

- Cần chuẩn bị sẵn những câu hỏi phù hợp với từng mục trong phiếu điều tra. Nếu có mục nào thấy khó đối với người trả lời, cần khéo léo gợi ý hoặc chuyển đến hỏi mục tiếp theo, sau khi hỏi hết các mục tiếp theo, quay lại hỏi các mục đã bỏ qua. Khi đó, người trả lời có thể hiểu hơn về những nội dung ĐTV cần phỏng vấn và có thể trả lời những mục trước một cách dễ dàng hơn.

- Cần kiểm tra kỹ từ đầu đến cuối phiếu xem có thông tin nào chưa được điền hoặc thông tin chưa hợp lý. Trước khi rời cơ sở, cần cảm ơn sự hợp tác của họ. Bạn có thể hỏi chủ cơ sở này một số thông tin về cơ sở tiếp theo bạn sẽ đến phỏng vấn để biết sơ bộ và tạo sự chủ động khi tiếp xúc với cơ sở.

- Ngày đầu tiên thực hiện điều tra tại địa bàn, sau khi hoàn thành việc thu thập và điền thông tin khoảng 2 đến 3 phiếu, ĐTV cần liên hệ với tổ trưởng hoặc thành viên Ban chỉ đạo để họ kiểm tra phiếu xem còn có vấn đề gì cần lưu ý hay không.

- Sau mỗi ngày kết thúc điều tra, ĐTV cần kiểm tra lại toàn bộ các phiếu đã thực hiện trong ngày để tiếp tục hoàn thiện phiếu. Nếu phiếu chưa hoàn chỉnh, thiếu logic (sót thông tin chưa điền, thông tin chưa hợp lý...), bạn có thể liên hệ lại với cơ sở

(bằng điện thoại hoặc trực tiếp) để hỏi lại và hoàn thiện phiếu. Bạn sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo một trật tự nhất định (nên sắp xếp theo số thứ tự tăng dần của ô “Cơ sở số” (ghi ở đầu phiếu) thuộc xã/phường điều tra để tiện kiểm, bảo quản, lưu giữ và bàn giao phiếu với tổ trưởng theo quy định.

- Trong quá trình thu thập thông tin tại cơ sở, nếu có điều gì còn băn khoăn, vướng mắc cần ghi chép lại để tìm hiểu thêm và báo cáo tổ trưởng biết để xử lý.

- Tuyệt đối không được cung cấp bất cứ thông tin nào trong phiếu điều tra với các đối tượng không có liên quan.

- Trường hợp không tìm thấy đơn vị điều tra theo danh sách, cần hỏi thăm những người sống lân cận hoặc hỏi cán bộ đường phố, thôn ấp để tìm được đơn vị điều tra. Nếu vẫn không tìm được, phải hỏi kỹ để biết thông tin và ghi rõ lý do không tìm thấy cơ sở theo danh sách. Ví dụ ghi: “đã chuyển đi nơi khác...” và cố gắng tìm hiểu thông tin để ghi rõ địa chỉ, địa bàn mới chuyển đến, hoặc ghi: “Tạm nghỉ... (trong khoảng bao lâu)”.

- Nếu phát hiện những đơn vị mới không có trong danh sách, bạn cần báo ngay với tổ trưởng để tổ trưởng kiểm tra, ghi bổ sung vào danh sách điều tra và phát phiếu để điều tra đơn vị mới đó.

- Khi đến điều tra nếu phát hiện cơ sở điều tra không phải loại cơ sở ghi trong danh sách (ví dụ: danh sách ghi là hộ SXKD cá thể nhưng khi đến điều tra lại là chi nhánh hoặc cửa hàng của doanh nghiệp), ĐTV cần ghi chú vào danh sách, và ghi vào sổ ghi chép để báo cáo tổ trưởng.

2.3. Giai đoạn kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao

- Kiểm tra phiếu được ĐTV thực hiện hàng ngày. Phiếu đã hoàn chỉnh được sắp xếp trật tự và bảo quản cẩn thận để bàn giao cho tổ trưởng.

- Tuyệt đối giữ bí mật những thông tin ghi trong phiếu điều tra; không cho bất cứ ai mượn, sao chép phiếu điều tra (trừ tổ trưởng phụ trách trực tiếp). Nếu để lộ bí mật những thông tin ghi trong phiếu, bạn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật (*Khoản e, Điều 10, Luật Thống kê năm 2015 có quy định nghiêm cấm hành vi... tiết lộ dữ liệu thông tin thống kê chưa được công bố; sử dụng dữ liệu thông tin của các tổ chức, cá nhân ngoài mục đích thống kê khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó*).

- Giao nộp phiếu điều tra cho tổ trưởng: ĐTV phải nộp phiếu điều tra đã điền đầy đủ, chính xác thông tin cho tổ trưởng theo kế hoạch. Điền đầy đủ thông tin vào “Phiếu giao nhận số lượng và kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu điều tra giữa điều tra viên và đội trưởng” (Phụ lục 2). ĐTV phải ký và yêu cầu tổ trưởng ký xác nhận vào phiếu giao nhận.

PHẦN III

NHỮNG NỘI DUNG NGHIỆP VỤ CẦN LƯU Ý

1. Nhận dạng đơn vị điều tra

ĐTV được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập thông tin các cơ sở SXKD cá thể theo 05 loại phiếu điều tra (Phiếu 2, 2A, 2B, 2C và 2D), cần nắm chắc 4 tiêu chí (phải đáp ứng đồng thời) để nhận dạng cơ sở SXKD cá thể có địa điểm cố định sẽ thực hiện phiếu điều tra, đó là:

- Có địa điểm cố định;
- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ trong tất cả các ngành kinh tế (trừ ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản);
- Thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp;
- Thời gian hoạt động thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ, tập quán kinh doanh (tổng thời gian hoạt động ít nhất là 3 tháng trong một năm).

Lưu ý:

(1) Không thực hiện điều tra đối với các cơ sở hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản.

(2) Phân biệt cơ sở SXKD cá thể với cơ sở SXKD trực thuộc doanh nghiệp (cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp) căn cứ vào biển hiệu và hỏi chủ cơ sở.

2. Một số trường hợp đặc thù cần lưu ý

2.1. Những trường hợp được qui ước là cơ sở SXKD có địa điểm cố định sẽ thực hiện phiếu điều tra (Phiếu 2, 2A, 2B, 2C, 2D)

(1). Tại một địa điểm cố định, diễn ra hai hay nhiều hoạt động kinh tế không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, mỗi hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một chủ sở hữu khác nhau được xác định là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra.

(2). Một hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của **một** hộ gia đình hoặc **một** cá nhân hay **một** nhóm người nhưng diễn ra tại **hai** địa điểm cố định trong cùng một xã/phường/thị trấn: *chỉ tính là một cơ sở SXKD cá thể thực hiện phiếu điều tra.*

Ví dụ: Hiệu sửa chữa xe máy của ông A được đặt tại hai địa điểm trên hai phố của một phường, chủ và thợ thường xuyên qua lại giữa hai địa điểm này: *chỉ tính là một cơ sở SXKD cá thể do ông A là chủ cơ sở.*

(3). Một hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một cá nhân hay một nhóm người nhưng diễn ra tại nhiều địa điểm cố định khác xã/phường/thị trấn: *tại mỗi một địa điểm được tính là một cơ sở SXKD cá thể thực hiện phiếu điều tra.*

(4). Một hộ gia đình (hoặc một cá nhân) thực hiện hai hoạt động kinh tế khác nhau, mỗi hoạt động diễn ra ở một địa điểm khác nhau: *được tính là hai cơ sở SXKD cá thể.*

Ví dụ: Hộ gia đình ông A có xưởng sản xuất đồ mộc (đặt tại nhà) và có quán bán đồ ăn sáng tại địa điểm khác, thì được xác định là hai cơ sở cá thể: cơ sở sản xuất đồ mộc và cơ sở kinh doanh hàng ăn uống.

(5). Hai hoạt động kinh tế do một hộ gia đình sở hữu, diễn ra tại một địa điểm, cùng không đăng ký kinh doanh, không tách riêng vốn, chi phí, lỗ, lãi: *chỉ được tính là một cơ sở SXKD cá thể (tính cho ngành chính, có hoạt động thường xuyên, liên tục hơn).*

Ví dụ: Hộ gia đình bà C có hoạt động sửa xe máy, xe đạp (do con trai đảm nhiệm) và có hàng nước chè chén, bánh kẹo (do bà C thực hiện), hai hoạt động này đều diễn ra tại một địa điểm, không tách riêng vốn, chi phí, lỗ, lãi... thì xác định là một cơ sở (một đơn vị điều tra). Nếu con trai bà C tuy ở chung một nhà, nhưng có vốn riêng, lỗ lãi riêng và thu nhập riêng từ hoạt động sửa xe máy, thì tại nhà bà C: *xác định hai cơ sở SXKD cá thể.*

(6). Cơ sở SXKD theo mùa/vụ, đến thời điểm điều tra cơ sở này tạm ngừng hoạt động, nhưng vẫn có người quản lý: *xác định là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra.* Ví dụ: Cơ sở sản xuất đường từ mía, nhưng đến thời điểm điều tra tạm ngừng do chưa đến mùa/vụ thu hoạch mía, vẫn có người quản lý, thì vẫn xác định là đơn vị cần thực hiện phiếu điều tra (nếu các cơ sở này không có người quản lý thì chỉ lập danh sách, không thực hiện phiếu điều tra kết quả sản xuất).

(7). Hộ gia đình hoặc một tổ/nhóm nhận gia công hàng hóa (đồ mộc, vàng mã, chạm khắc, may mặc...), công việc diễn ra thường xuyên, liên tục, định kỳ: *tính là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra (không tính những trường hợp cá nhân trong hộ nhận làm gia công mang tính nhỏ lẻ, không thường xuyên).*

(8). Cơ sở xe ôm, xe lam, xe lôi... có địa điểm cố định ở các bến xe, bến tàu, được tổ chức theo tổ, đội quản lý được xác định là cơ sở kinh doanh có địa điểm cố định thực hiện phiếu điều tra.

(9). Kinh doanh tại nhà và tại chợ phiên: một người kinh doanh tại nhà, đồng thời kinh doanh tại chợ phiên (địa điểm chợ phiên là cố định), nếu trên cùng một xã/phường/thị trấn: tính là một cơ sở và ghi địa chỉ cơ sở có thời gian hoạt động nhiều nhất, doanh thu ghi tổng doanh thu của các địa điểm.

Trường hợp một hộ kinh doanh thường xuyên tại chợ phiên ở các xã/phường khác nhau thì tính là các cơ sở khác nhau, tuy nhiên tổng thời gian kinh doanh tại mỗi địa điểm ít nhất phải là 3 tháng.

(10). Một hộ cá thể tự giết mổ gia súc tại nhà, mang ra chợ bán thì chỉ tính là một cơ sở bán thịt gia súc. Nếu hộ thực hiện cả giết mổ thuê tại nhà và bán hàng của mình tại chợ thì tính là hai cơ sở: một cơ sở công nghiệp và một cơ sở thương mại.

- Nếu hộ kinh doanh tại nhiều chợ thuộc các xã/phường khác nhau thì cần áp dụng quy định tổng thời gian hoạt động tại một địa điểm ít nhất 03 tháng để xác định có là đơn vị thực hiện phiếu điều tra hay không.

- Trường hợp cơ sở chủ yếu giết mổ thuê, trong đó chỉ một phần nhỏ tự bán thì tính là hoạt động công nghiệp.

Lưu ý: Quy ước trên được áp dụng tương tự với các hoạt động sản xuất kinh doanh bún, bánh.

(11). Cơ sở kinh doanh có địa điểm ổn định ở trong khuôn viên của các cơ quan, công sở và tại những nơi phải trả phí vào cửa (chụp ảnh; bán hàng, phục vụ ăn uống; sửa chữa xe...) được xác định là các cơ sở SXKD cá thể thực hiện phiếu điều tra (ngoại trừ căng tin của cơ quan, do cán bộ nhân viên của cơ quan phục vụ).

(12). Trung tâm môi giới nhà đất, dịch vụ tư vấn nhà đất do một cá nhân, hoặc một nhóm người thực hiện, có địa điểm kinh doanh cố định: *được xác định là cơ sở SXKD cá thể sẽ thực hiện phiếu điều tra.*

(13). Các hợp tác xã vận tải hình thành theo phương thức: xã viên tự góp phương tiện, tự quản lý; sử dụng phương tiện đó để kinh doanh vận tải; và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, HTX chỉ thực hiện chức năng hỗ trợ một số dịch vụ (như dịch vụ pháp lý, quản lý kinh doanh; nộp thuế tập trung...) cho xã viên: *Mỗi xã viên là 1 cơ sở kinh doanh vận tải cá thể thực hiện phiếu điều tra* (HTX được xác định là một doanh nghiệp tập thể và thuộc đối tượng điều tra Phiếu doanh nghiệp).

(14). Cửa hàng kinh doanh của doanh nghiệp nhưng khoán toàn bộ cho một người (một nhóm người) tự kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, doanh nghiệp chỉ thu một khoản để đóng bảo hiểm cho cá nhân nhận khoán: *cửa hàng đó được xác định là cơ sở kinh doanh cá thể thực hiện phiếu điều tra.*

(15). Nếu trong hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có thực hiện một số hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như: đan, móc, may vá quần áo, hàng sáo, làm nón... tại nhà, hoạt động này **diễn ra thường xuyên, có lao động chuyên nghiệp:** *được xác định là cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp - là một đơn vị điều tra.*

Ví dụ: Hộ bà A là hộ nông nghiệp, nhưng bà A thường xuyên mua thóc, bán gạo (làm hàng sáo) tại nhà vào các buổi sáng, buổi tối, thì hoạt động hàng sáo (mua thóc, xay xát ra gạo để bán) do bà A thực hiện được xác định là cơ sở điều tra cá thể.

Lưu ý: *không được tính là cơ sở SXKD cá thể đối với những hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản có tranh thủ thời gian nhàn rỗi thực hiện một số hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, nhưng không thường xuyên (gặp việc gì làm việc đó), không có lao động chuyên nghiệp thì những hoạt động này không được xác định là cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp, không phải là đơn vị điều tra. Ví dụ: 1 hộ sản xuất nông nghiệp, nhưng thỉnh thoảng nấu rượu với mục đích chính là để uống và lấy bã rượu để chăn nuôi; thỉnh thoảng đan vài cái rổ, rá để bán.*

2.2. Những trường hợp được qui ước là cơ sở SXKD có địa điểm không cố định, chỉ lập danh sách, không thực hiện phiếu điều tra

(1). Cơ sở cá thể ngành xây dựng: là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi là đội xây dựng cá thể) do một người làm đội trưởng (chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng mới, lắp đặt thiết bị, sửa chữa công trình; được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở. Số lượng cơ sở tính theo số lượng đội trưởng, không tính theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng. Trong trường hợp đội trưởng xây dựng cùng một thời điểm nhận nhiều công trình xây dựng, vẫn chỉ tính là một cơ sở và chỉ lập danh sách cơ sở, ghi lao động và không ghi doanh thu.

(2). Các cơ sở có quy mô nhỏ lẻ như cơ sở bán nước chè chén trên vỉa hè, lề đường (không phải cơ sở bán nước giải khát như cà phê, nước quả...), các cơ sở xe ôm hoạt động ở các ngã tư, đầu đường/ngõ/hẻm...;

(3). Cá nhân cho người khác thuê nhà để làm cửa hàng sản xuất, kinh doanh, có địa điểm liên hệ chính thức, cố định (kể cả tại nhà).

(4). Cơ sở cá thể kinh doanh tại chợ nổi của một vùng sông nước, họp cố định, thường xuyên; Bán hàng trên xe đẩy tại một đoạn đường phố, một xóm; xay sát lưu động trên các ghe, thuyền thường xuyên tại một khúc sông.

(5) Những người kinh doanh vận tải xe ôm, xe lam, xe lôi thường xuyên đỗ tại ngã tư, đầu đường, ngõ, hẻm.. có địa điểm liên hệ chính thức, cố định (kể cả tại nhà) nhưng không thành lập thành tổ, đội nhóm và không có người điều hành quản lý.

PHẦN IV

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU

Mỗi cơ sở SXKD cá thể chỉ thực hiện 01 trong 05 loại phiếu:

- Phiếu 2/TĐTKT-CT (viết tắt là Phiếu 2): Phiếu thu thập thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể (không thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả SXKD);

- Phiếu 2A/TĐTKT-CN (viết tắt là Phiếu 2A): Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp;

- Phiếu 2B/TĐTKT-VT (viết tắt là Phiếu 2B): Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động vận tải, kho bãi;

- Phiếu 2C/TĐTKT-TN (viết tắt là Phiếu 2C): Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở KD cá thể hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

- Phiếu 2D/TĐTKT-DV (viết tắt là Phiếu 2D): Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động lưu trú, ăn uống và một số dịch vụ khác.

1. Cách ghi thông tin chung trong 05 loại phiếu

(1). Tên cơ sở: Ghi tên cơ sở theo biển hiệu, trường hợp cơ sở không có biển hiệu, ghi họ tên đầy đủ của chủ cơ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) hoặc người quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở. Ghi bằng chữ in hoa, có dấu.

(2). Địa chỉ của cơ sở: Trước khi đến cơ sở để phỏng vấn, điều tra viên phải ghi đầy đủ thông tin định danh của cơ sở:

- + Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Tên huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;
- + Tên xã/phường/thị trấn;

+ Mã số của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, xã/phường/thị trấn ghi đúng theo danh mục hành chính qui định trong phương án điều tra;

+ Căn cứ vào danh sách đã được lập, kết hợp với quan sát để ghi thông tin về tên cơ sở và địa chỉ chi tiết của cơ sở theo thôn/ấp/bản, số nhà, đường phố.

(3). Số điện thoại của cơ sở: Ghi số điện thoại cố định hoặc di động của cơ sở SXKD.

(4). Số fax của cơ sở: Ghi đúng số fax của cơ sở (nếu có).

(5). Email của cơ sở (nếu có): Ghi rõ địa chỉ email của cơ sở dùng để liên hệ trong giao dịch và sản xuất, kinh doanh.

MỤC A “ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH”

- **Câu A1:** “Mô tả ngành sản xuất kinh doanh”: Đây là câu hỏi quan trọng, cần mô tả rõ và chi tiết, không ghi chung chung là “sản xuất”, “bán” hoặc “dịch vụ” mà cần ghi rõ tên loại hàng hóa sản xuất hoặc bán buôn, bán lẻ. Nếu cơ sở có hai hoạt động trở lên (ví dụ vừa bán giải khát vừa kinh doanh dịch vụ đại lý internet) thì xác định ngành SXKD chính là ngành tạo ra giá trị sản xuất nhiều nhất. Trường hợp cơ sở không biết được ngành nào tạo ra giá trị sản xuất nhiều nhất thì điều tra viên hỏi cơ sở để xác định ngành nào có doanh thu lớn nhất hoặc ngành nào sử dụng nhiều lao động nhất để ghi vào mục mô tả ngành hoạt động SXKD. Mã ngành kinh tế được xác định theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành năm 2007 (gọi tắt là VSIC 2007), do cơ quan Thống kê ghi, điều tra viên không phải ghi.

- **Câu A2:** “Địa điểm SXKD của cơ sở”: Khoanh vào một mã thích hợp nhất với địa điểm của cơ sở được liệt kê trong từng loại phiếu. Riêng đối với phiếu 2A không khoanh vào địa điểm “Là cửa hàng tiện ích (mã 3) và “Tại siêu thị, trung tâm thương mại” (mã 4). Tương tự, Phiếu 2B không khoanh vào mã 3.

- **Câu A3:** “Thông tin về người chủ của cơ sở”.

Người đứng đầu cơ sở là người đại diện cho tất cả các thành viên trong cơ sở SXKD và được các thành viên thừa nhận; giữ vai trò quản lý, điều hành, nắm được tất cả các hoạt động SXKD, quyết định được những công việc chính của cơ sở.

* Họ và tên: viết đầy đủ bằng chữ in hoa có dấu

* Giới tính: Là “Nam” thì khoanh vào mã 1; là “Nữ” khoanh vào mã 2. Năm sinh của người đứng đầu cơ sở ghi theo năm dương lịch.

* Dân tộc: Ghi tên dân tộc theo khai sinh; nếu là người nước ngoài thì ghi “nước ngoài”.

* Quốc tịch: Ghi theo quốc tịch hiện tại đang sử dụng; nếu có 2 quốc tịch thì ghi quốc tịch thường dùng.

Mã dân tộc, mã quốc tịch do cơ quan thống kê ghi, điều tra viên không phải ghi.

* Trình độ chuyên môn được đào tạo: Ghi theo bằng cấp/chứng nhận hiện có, nếu có hai bằng trở lên thì ghi theo bằng cao nhất. Trường hợp đang học, hoặc đã học xong nhưng chưa được nhận bằng và chưa có chứng nhận thì vẫn ghi theo bằng cấp đã có, không ghi theo bằng chưa được nhận (ví dụ: Chủ cơ sở đã có bằng sơ cấp nghề, vừa mới thi tốt nghiệp trung cấp nghề nhưng chưa được cấp bằng thì vẫn ghi trình độ sơ cấp nghề, không ghi là trung cấp nghề).

Quy ước đối với lao động làm nghề lâu năm; lao động làm các nghề (không phải của làng nghề) như: may mặc, thợ hàn tiện cơ khí, sửa chữa xe máy, sửa điện thoại, máy tính, ti vi,... không qua trường lớp, cơ sở đào tạo và không được cấp chứng chỉ thì ghi vào trình độ khác nhưng cần ghi rõ.

- **Câu A4:** “Thời gian diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh”: Ghi khoảng thời gian cụ thể diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở. Nếu cơ sở có hoạt động diễn ra tại 2 địa điểm trở lên thì tính thời điểm bắt đầu của cơ sở hoạt động sớm nhất trong ngày và thời điểm kết thúc muộn nhất của địa điểm kết thúc hoạt động muộn nhất. Ví dụ: Cơ sở đóng tại 2 địa điểm: Địa điểm 1 hoạt động diễn ra từ 5 giờ sáng đến 14 giờ; địa điểm 2 diễn ra hoạt động từ 12 giờ đến 22 giờ, thời gian hoạt động của cơ sở được tính từ 5 giờ đến 22 giờ.

- **Câu A5:** “Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở”:

(1). Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Là cơ sở đã nhận được giấy chứng nhận ĐKKD do cơ quan có thẩm quyền cấp (ví dụ: Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện/quận).

(2). Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Là cơ sở thuộc diện phải đăng ký kinh doanh nhưng chưa thực hiện đăng ký kinh doanh, cơ sở trước đây đã được cấp nhưng vì lý do nào đó đã bị rút giấy chứng nhận ĐKKD.

(3). Đã đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp GCNĐKKD: Tức là cơ sở đã nộp hồ sơ tới phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện/quận đề nghị cấp giấy chứng nhận ĐKKD nhưng đang trong thời gian chờ đợi được cấp giấy hoặc vì lý do nào đó, chủ cơ sở chưa nhận được giấy chứng nhận.

(4). Không phải đăng ký kinh doanh: Là các trường hợp quy định theo Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh ngày 14/9/2015, cụ thể là các cơ sở bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp (trừ trường hợp kinh doanh các ngành nghề có điều kiện quy định tại Phụ lục 4, Luật Đầu tư năm 2014). UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

- **Câu A6:** Nếu cơ sở có đăng ký mã số thuế kinh doanh và đã được cơ quan thuế chấp nhận để thu thuế cho hoạt động của cơ sở thì mới được coi là có mã số thuế kinh doanh và khoanh vào số 1 (mã số thuế này có thể trùng với mã số thuế thu nhập cá nhân của chủ cơ sở). Trường hợp cơ sở đã đăng ký nhưng chưa được cấp mã số thuế kinh doanh thì vẫn được coi là cơ sở không có mã số thuế kinh doanh và khoanh vào số 2.

- **Câu A7:** Điều tra viên cũng cần giải thích để người được phỏng vấn hiểu rõ mục đích của cơ quan thống kê thu thập chỉ tiêu này không liên quan đến chính sách thu thuế, chỉ nhằm quản lý thông tin thống kê trong cơ sở dữ liệu chung của toàn quốc.

- **Câu A8:** “Thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017”:

Số ngày SXKD bình quân một tháng trong 6 tháng đầu năm 2017: Chỉ tính số ngày mà cơ sở thực tế có sản xuất, kinh doanh bình quân một tháng trong 6 tháng đầu năm 2017, không tính thời gian nghỉ kinh doanh vì lý do sửa chữa nhà, thiếu nhân công hoặc lý do khác;

Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017: Tính số tháng thực tế theo năm dương lịch mà cơ sở có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh;

Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017: Số tháng cơ sở dự kiến thực hiện SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017, không tính thời gian cơ sở nghỉ kinh doanh để sửa chữa nhà, thiếu nhân công hoặc lý do khác.

MỤC B: “LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG”

Câu B1: Tổng số lao động tại thời điểm 01/7/2017: Là toàn bộ số lao động do cơ sở trực tiếp quản lý, sử dụng và trả công hoặc không phải trả công (lưu ý tính cả chủ cơ sở vào tổng số lao động của cơ sở). Trong tổng số, tách riêng:

- Lao động nữ.

- Lao động thuê ngoài: Là những người làm việc tại cơ sở được chủ cơ sở thuê làm việc cho cơ sở và trả tiền công theo ngày/tuần hoặc trả theo tháng;

- Lao động không phải trả công, trả lương: Là những người lao động làm việc tại cơ sở nhưng cơ sở không phải trả lương, trả công theo định kỳ (thường là chủ cơ sở và những lao động là thành viên trong gia đình của chủ cơ sở);

- Lao động là người nước ngoài: Là những người không mang quốc tịch Việt Nam đang làm việc tại cơ sở tại thời điểm 01/7/2017 với mục đích kiếm thu nhập.

“Lao động theo nhóm tuổi” và “Lao động phân theo trình độ chuyên môn”: Ghi tổng số lao động của cơ sở có mặt tại thời điểm 01/7/2017 (gồm cả chủ cơ sở) theo độ tuổi và trình độ chuyên môn vào từng dòng phân tổ tương ứng được liệt kê trong phiếu điều tra.

Câu B2: Số tiền chi trả cho một nhân công thuê ngoài bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017): Là tổng số tiền (bao gồm tiền công, tiền thưởng hàng tháng, lễ tết, tham quan, nghỉ mát, tiền ăn trưa, tiền may quần áo (nếu có)...) mà chủ cơ sở chi trả cho người lao động cơ sở phải thuê chia (:) cho tổng số lao động thuê ngoài của cơ sở, sau đó chia cho số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm.

MỤC C: “SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Bao gồm cả tiền vốn và tiền lãi của hàng hóa đã bán)

- Số tiền do cơ sở tự khai: Là số tiền cơ sở thu được hoặc sẽ thu được do cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng sau khi trừ đi các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại... mà cơ sở tự khai với điều tra viên khi được hỏi.

- Số tiền do điều tra viên tính: Điều tra viên căn quan sát qui mô SXKD của cơ sở, như diện tích, lao động, khối lượng sản phẩm/hàng hoá, ước lượng số khách hàng căn cứ vào tình hình tại thời điểm điều tra, vật tư, thiết bị SXKD và các thông tin khác để dự tính số tiền thu thực tế của cơ sở. Nếu điều tra viên thống nhất với doanh thu do cơ sở khai thì vẫn ghi xuống phía dưới dòng “Điều tra viên tính” con số cơ sở khai.

- **Câu C1.** Tổng số tiền thu được (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày có hoạt động kinh doanh được tính bằng cách lấy tổng số tiền thu được do bán hàng và/hoặc cung cấp dịch vụ trong 6 tháng đầu năm chia cho tổng số ngày có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế trong cùng kỳ.

Tổng số tiền thu được (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một tháng có hoạt động kinh doanh bằng tổng số tiền thu được do bán hàng và/hoặc cung cấp dịch vụ trong 6 tháng đầu năm chia cho số tháng có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế trong cùng kỳ.

Lưu ý: Trong câu hỏi này, chỉ cần hỏi cơ sở “số tiền thu được...” bình quân một ngày hoặc một tháng tùy theo từng loại hoạt động hoặc cách tính của từng cơ sở. Nếu cơ sở khó trả lời số bình quân theo ngày thì có thể lựa chọn số bình quân theo tháng.

- **Câu C2.** Tổng số tiền thu được (kể cả vốn và lãi) trong 6 tháng đầu năm là tổng số tiền cơ sở thu được hoặc sẽ thu được trong 6 tháng đầu năm 2017 sau khi trừ đi các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại...

- Tổng số tiền thu được (kể cả vốn và lãi) trong 6 tháng cuối năm là số dự kiến về tổng số tiền thu được của cơ sở trong 6 tháng cuối năm 2017. Số liệu này cũng được điền theo số cơ sở khai báo và số liệu do điều tra viên tính nếu quan sát thấy cơ sở trả lời quá thấp hoặc quá cao.

MỤC “SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET”

Thông tin được trong mục này nhằm đánh giá khái quát tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Một số nội dung cần lưu ý như sau:

+ Máy tính cơ sở dùng trong sản xuất kinh doanh: Nếu cơ sở có sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay để thực hiện các công việc điều hành, quản lý, tác nghiệp, liên hệ công tác, tính toán thu/chi, theo dõi lượng hàng mua/bán... thì tính là “Có sử dụng máy tính cho SXKD”. Không tính máy tính cơ sở sử dụng để kinh doanh trò chơi điện tử, dịch vụ internet.

+ Lao động thường xuyên sử dụng máy tính: Là những người có sử dụng thường xuyên máy tính của cơ sở để thực hiện các công việc hàng ngày.

+ Lao động thường xuyên sử dụng internet là lao động có truy cập internet ít nhất 1 lần một tuần tại cơ sở bằng bất kỳ thiết bị di động nào và cho các mục đích khác nhau kể cả không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

+ Mục đích sử dụng internet của cơ sở: Các mục đích đã được nêu cụ thể trong phiếu. Nếu cơ sở **có dùng** internet cho mục đích nào thì khoanh vào số thứ tự thích hợp vào ô mã tương ứng.

+ Mua (hoặc bán) hàng qua mạng: Chỉ tính đối với những giao dịch thành công trong 6 tháng đầu năm 2017 giữa người mua và người bán (trao đổi hàng hóa, dịch vụ) thông qua mạng máy tính, bao gồm internet, tức là: Bên bán có thể xác nhận đã hoặc sẽ thu được tiền và bên mua xác nhận là nhận được hàng hóa hoặc dịch vụ cần mua đúng với quy cách và phẩm cấp của hàng hóa và dịch vụ mà hai bên (mua, bán) đã trao đổi.

MỤC “TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP”

(Chỉ áp dụng với các cơ sở có doanh thu năm 2017 từ 100 triệu đồng trở lên)

Điều tra viên cần giải thích mục đích các câu hỏi ở mục này nhằm tìm hiểu, thực trạng, yêu cầu của cơ sở cá thể, từ đó có kiến nghị với Chính phủ đưa ra các chính sách phù hợp, trợ giúp các cơ sở cá thể phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống hộ gia đình. Điều tra viên cần gợi ý để chủ cơ sở (hoặc người có trách nhiệm cung cấp thông tin) trả lời chính xác hơn và ghi rõ ý kiến của họ vào phiếu điều tra.

Các câu hỏi E1 (hoặc H1) và E2 (hoặc H2) nhằm đánh giá thực trạng tiếp cận nguồn vốn (vay vốn) của các cơ sở SXKD cá thể từ Ngân hàng, Quỹ tín dụng Nhân dân, các tổ chức tín dụng hoặc nguồn khác cho mục đích đầu tư, mở rộng hoặc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở, lý do.

Các câu hỏi từ E3 đến E6 (hoặc từ H3 đến H6) nhằm tìm hiểu xem cơ sở cá thể có dự định sẽ đăng ký thành lập doanh nghiệp trong năm 2017 và 2018 hay không và lý do cơ sở có dự định hoặc không. Kết quả trả lời sẽ giúp cho các cơ quan nhà nước đưa ra những thay đổi chính sách hoặc hỗ trợ phù hợp.

2. Cách ghi thông tin chung trong 04 loại phiếu (2A, 2B, 2C và 2D)

MỤC: "TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ"

Lưu ý: Đối với tài sản cố định, chỉ tính giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, tài sản do cơ sở mua trả góp, có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm (tính riêng cho một tài sản, không tính gộp theo loại tài sản). Không tính những tài sản do cơ sở đi thuê của người khác để hoạt động trong một thời gian sau đó sẽ trả lại cơ sở cho thuê.

- Đối với những tài sản vừa phục vụ sản xuất kinh doanh, vừa sử dụng trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày, cần hỏi kỹ để tính được phần giá trị tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh (không tính phần giá trị tài sản phục vụ nhu cầu sinh hoạt và đời sống hàng ngày).

- **Câu D1.** “Giá trị tài sản cố định có đến 01/7/2017” được tính theo giá mà cơ sở mua tài sản (ví dụ: đến thời điểm điều tra, hộ kinh doanh vận tải có một chiếc ô tô

dùng để làm phương tiện kinh doanh, được chủ cơ sở mua năm 2015 với giá là 400 triệu đồng. Đến năm 2017, chiếc ô tô này có thể bán được 350 triệu đồng. Vậy, “Giá trị tài sản cố định có đến 01/7/2017” của cơ sở sẽ là: 400 triệu đồng). Tài sản của các hộ sử dụng vào sản xuất, kinh doanh có thể là: xe ô tô, kiốt, nhà bán hàng, tủ quầy bán hàng, tủ, ti vi, tủ lạnh, bộ dàn và thiết bị âm thanh, bồn bể chứa xăng dầu và thiết bị đo, đếm, bán xăng dầu, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất... có đủ tiêu chuẩn như quy định ở trên.

- **Câu D2.** Giá trị hao mòn tài sản cố định trong năm: là tổng số tiền đã khấu hao các loại tài sản cố định trong năm (quy định tính từ 01/7/2016 đến 01/7/2017)

Qui định cách tính như sau:

$$\text{Khấu hao TSCĐ của 01 năm} = \frac{\text{Tổng giá trị TSCĐ theo nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng TSCĐ theo thiết kế}}$$

- **Câu D3.** Giá trị hao mòn TSCĐ tính đến 01/7/2017 (luỹ kế): là tổng số tiền đã trích khấu hao các loại tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh tính đến thời điểm 01/7/2017.

Qui định cách tính như sau:

$$\text{Giá trị hao mòn TSCĐ} = \text{Hao mòn của 01 năm} \times \text{Số năm sử dụng tài sản}$$

Trong đó: Số năm sử dụng tài sản được tính từ năm xây dựng, lắp đặt hoặc mua tài sản đó đến 01/7/2017.

- **Câu D4.** Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ (nợ phải trả): là tổng các khoản nợ phát sinh mà cơ sở phải trả tính đến thời điểm 01/7/2017, gồm nợ ngắn hạn (vay và nợ ngắn hạn, phải trả cho người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác...) và nợ dài hạn (phải trả dài hạn người bán, phải trả dài hạn khác, vay và nợ dài hạn...).

- **Câu D5.** Số vốn của chính cơ sở bỏ ra để SXKD (vốn chủ sở hữu): là toàn bộ nguồn vốn thuộc sở hữu của chủ cơ sở tại thời điểm 01/7/2017, không kể số vay mượn của người khác.

MỤC “THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC”

Là tổng số tiền thuế, phí, lệ phí mà cơ sở phải nộp và đã nộp vào ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2017, dự tính số thuế phải nộp 6 tháng cuối năm 2017. Ngoài tổng số, trong từng loại phiếu còn ghi riêng các loại thuế sau:

- Phiếu 2A, tách riêng: thuế giá trị gia tăng; thuế môn bài; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế xuất khẩu; thuế thu nhập và thuế khác.

Các phiếu 2B, 2C và 2D, tách riêng: thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ phiếu 2B) và thuế môn bài.

3. Cách ghi thông tin riêng cho từng loại phiếu

3.1. Phiếu 2A/TĐTKT-CN: “*Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động công nghiệp*”.

Đối với cơ sở sản xuất công nghiệp, điều tra viên ước tính số tiền thu được do bán sản phẩm sản xuất ra căn cứ vào việc quan sát qui mô SXKD của cơ sở như diện tích, lao động, hỏi thêm chủ cơ sở về khối lượng sản phẩm/hàng hoá sản xuất thực tế tại thời điểm điều tra, vật tư, nguyên liệu tiêu thụ cho sản xuất, thiết bị SXKD, các thông tin khác nắm được... để dự tính doanh thu thực tế của cơ sở.

Ngoài ra, cần thu thập thông tin về số lượng sản phẩm sản xuất ra trong 6 tháng đầu năm 2017, đồng thời căn cứ vào khả năng của cơ sở để dự kiến số lượng sản phẩm sẽ sản xuất trong 6 tháng năm 2017.

Lưu ý: Chỉ tiêu sản phẩm do cơ sở sản xuất bao gồm sản phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của cơ sở và sản phẩm do cơ sở làm gia công cho bên ngoài. Do yêu cầu tính tốc độ tăng trưởng để suy rộng cho từng sản phẩm nên ngoài việc ghi thông tin số lượng sản phẩm sản xuất 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017, ghi thông tin số lượng sản phẩm sản xuất năm 2016 của cơ sở.

3.2. Phiếu 2B/TĐTKT-VT: “*Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động vận tải, kho bãi*”.

Điều tra viên ước tính số tiền thu được do cung cấp dịch vụ cần căn cứ vào việc quan sát qui mô SXKD của cơ sở như số đầu xe, diện tích kho bãi, lượng hàng hóa hoặc xe cộ gửi trông giữ, tham khảo các thông tin khác để dự tính số tiền thu được thực tế cho từng hoạt động của cơ sở và được tách riêng theo từng loại hoạt động sau:

- Số tiền thu được từ vận chuyển hành khách.

- Số tiền thu được từ vận chuyển hàng hóa.
- Số tiền thu được từ các dịch vụ kho, bãi, lưu giữ hàng hóa.
- Số tiền thu được từ dịch vụ bốc xếp hàng hóa.
- Số tiền thu được từ dịch vụ hỗ trợ vận tải khác.

Trong đó:

+ Số tiền thu được từ vận chuyển hành khách: là toàn bộ số tiền cơ sở thu được hoặc sẽ thu được do thực hiện dịch vụ vận chuyển hành khách theo các loại ngành đường như đường bộ, đường biển, đường sông...

+ Số tiền thu được từ vận chuyển hàng hóa: là toàn bộ số tiền cơ sở thu được hoặc sẽ thu được do thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa theo các loại ngành đường như đường bộ, đường biển, đường sông...

+ Số tiền thu được từ dịch vụ hỗ trợ vận tải khác: là toàn bộ số tiền cơ sở thu được hoặc sẽ thu được do thực hiện các dịch vụ ngoài dịch vụ bốc xếp, kho bãi và lưu giữ hàng hóa kể trên như trông giữ xe ô tô, xe đạp, xe máy...

- Khối lượng và phương tiện vận chuyển

a. Vận chuyển hành khách

- Số lượt hành khách vận chuyển: là số lượt hành khách thực tế đã được vận chuyển trong 6 tháng đầu năm 2017 và dự tính trong 6 tháng cuối năm 2017, không phân biệt độ dài quãng đường vận chuyển. Cách tính như sau: Căn cứ số lượng vé bán ra, mỗi vé được tính là 1 lượt khách. Trường hợp khách đi vé tháng thì mỗi một vé được tính là 2 lượt khách cho một ngày và nhân với số ngày làm việc trong tháng (tùy theo từng địa phương mà số ngày đi làm có thể là 22 hoặc 26 ngày). Tuy nhiên đối với khách đi liên tuyến sẽ được tính là 4 lượt khách cho mỗi ngày. Nếu khách đi không mua vé thì căn cứ vào số tiền mà khách đã trả khi đi trên một tuyến đường nhất định và giá vé bình quân để tính ra số lượt hành khách vận chuyển.

- Số lượt hành khách luân chuyển: được tính bằng cách lấy số lượt hành khách vận chuyển nhân với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường được làm căn cứ để tính giá vé do cơ quan có thẩm quyền công bố.

b. Vận chuyển hàng hóa

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển: là khối lượng hàng hóa thực tế đã vận chuyển được trong 6 tháng đầu năm 2017 và dự tính trong 6 tháng cuối năm 2017, không

phân biệt độ dài quãng đường vận chuyển. Khối lượng hàng hóa vận chuyển được tính theo trọng lượng thực tế của hàng hóa đã vận chuyển (kể cả bao bì). Khối lượng hàng hóa vận chuyển chỉ được tính sau khi kết thúc quá trình vận chuyển, đã vận chuyển đến nơi giao nhận theo qui định trong hợp đồng, đã hoàn thành thủ tục giao nhận;

- Khối lượng hàng hoá luân chuyển: được tính bằng cách lấy khối lượng hàng hoá vận chuyển nhân với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường đi ngắn nhất mà phương tiện có thể đi được từ nơi gửi hàng đến nơi nhận hàng và đã được Bộ Giao thông Vận tải hoặc cơ quan được Nhà nước uỷ quyền công bố, hoặc thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện trong hợp đồng vận tải. Đơn vị tính khối lượng hàng hoá luân chuyển là Tấn.km.

- *Phương tiện vận chuyển có tại 01/7/2017*

a. *Phương tiện chở khách*: là toàn bộ số lượng các loại phương tiện chở khách hiện có của cơ sở tại thời điểm điều tra.

b. *Phương tiện chở hàng*: là toàn bộ số lượng các loại phương tiện chở hàng hiện có của cơ sở tại thời điểm điều tra.

Lưu ý:

1. Số lượng phương tiện vận tải chỉ tính số đầu phương tiện phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận tải; không bao gồm số đầu phương tiện chỉ phục vụ cho mục đích đi lại của chủ cơ sở (không kinh doanh vận tải).

2. Trọng tải: ghi theo công suất thiết kế của phương tiện. Phương tiện chở khách: ghi tổng số chỗ. Phương tiện chở hàng: ghi số tấn.

Ví dụ: Cơ sở có 5 phương tiện vận tải. Trong đó, có 2 xe chở khách (1 xe loại 9 chỗ, 1 xe loại 24 chỗ), có 3 xe chở hàng (1 xe 5 tấn, 2 xe 7 tấn). Cách ghi vào phiếu như sau:

	Mã số	Số phương tiện (Chiếc)	Trọng tải (Chỗ, tấn)
Phương tiện chở khách			
Ô tô chở khách từ 9 chỗ ngồi trở lên	01	2	33
Phương tiện chở hàng			
Ô tô vận tải hàng hoá 5 tấn trở lên	06	3	19

3.3. Phiếu 2C/TĐTKT-TN: “Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở KD có thể hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác”.

- Số tiền thu được do bán hàng (gồm cả vốn và lãi) của từng nhóm hàng được ghi vào phiếu căn cứ vào số liệu do chủ cơ sở cung cấp và số liệu do điều tra viên ước tính trên cơ sở quan sát qui mô, loại hàng hóa của cơ sở, diện tích bày bán hàng, lao động, khối lượng sản phẩm/hàng hoá bán ra và căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm điều tra, các thông tin khác để dự tính số tiền thu thực tế của từng nhóm hàng.

Ghi tổng số tiền thu được (gồm cả vốn và lãi) và tách riêng cho hoạt động:

+ Bán hoặc sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; bán phụ tùng của các loại xe nói trên. Trong phần này, điều tra viên cần hỏi rõ chủ cơ sở hoặc người phụ trách cơ sở để khai thác thông tin và ghi vào phiếu điều tra tách riêng cho từng loại xe có động cơ và loại phụ tùng như đã được liệt kê trong phiếu điều tra.

+ Hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy hoặc xe có động cơ). Trong hoạt động này, cần hỏi chủ cơ sở để ghi thông tin chung cho hoạt động bán buôn, bán lẻ và tách riêng cho từng nhóm ngành hàng được liệt kê trong phiếu, trong đó ghi riêng số tiền thu được do bán lẻ.

Trong trường hợp cơ sở không ghi chép, theo dõi chi tiết - đặc biệt là đối với các cơ sở bán hàng tạp hóa thường bán nhiều loại hàng - điều tra viên có thể đề nghị cơ sở ước tính tỷ lệ % từng nhóm hàng trong tổng số tiền thu được để ghi số liệu vào phiếu. Số tiền bán hàng thu được của nhóm hàng nào thì ghi vào dòng tương ứng của nhóm hàng hóa đó.

Số tiền bán lẻ hàng hóa thu được là toàn bộ số tiền đã thu hoặc sẽ thu được do bán hàng hóa cho nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và hộ gia đình (không bao gồm số tiền bán hàng hóa cho nhu cầu sản xuất, bán lại cho xuất khẩu).

- Trị giá vốn hàng đã bán ra: là tổng số tiền vốn cơ sở bỏ ra để mua số hàng hóa đã được bán ra trong 6 tháng đầu năm 2017 và dự tính số tiền vốn bỏ ra để mua hàng hóa về bán trong 6 tháng cuối năm 2017 (không tính trị giá vốn của hàng hoá còn tồn chưa bán được).

- Diện tích mặt bằng dùng cho hoạt động kinh doanh của cơ sở tại thời điểm 1/7/2017 (câu D6): chỉ tính số m² mặt bằng được sử dụng làm địa điểm kinh doanh của cơ sở (kể cả diện tích đi thuê, mượn và của chính chủ).

3.4. Phiếu 2D/TĐTKT- DV:Phiếu thu thập thông tin điều tra mẫu về cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động lưu trú, ăn uống và một số dịch vụ khác.

**MỤC F: “MỘT SỐ THÔNG TIN DÀNH RIÊNG CHO CƠ SỞ Y TẾ
VÀ LƯU TRÚ”**

- Đối với cơ sở y tế: Chỉ thu thập thông tin cho mục 1 trong câu F2, tức là thu thập “Số tiền bán thuốc chữa bệnh (kể cả vốn và lãi)”, không thu thập thông tin cho câu F1 và các mục từ 2 đến 7 trong câu F2.

- Số lượt khách do cơ sở lưu trú phục vụ là số lượt khách đến thuê buồng, giường, nghỉ tại cơ sở. Bao gồm lượt khách trong ngày (không ngủ qua đêm) và lượt khách có ngủ qua đêm (lưu trú) 6 tháng đầu năm 2017 và dự tính 6 tháng cuối năm 2017.

Trong đó: Lượt khách quốc tế là số lượt người nước ngoài (khách có quốc tịch nước ngoài và Việt kiều) đến thuê buồng, giường nghỉ tại cơ sở gồm lượt khách trong ngày (không nghỉ qua đêm) và lượt khách (nghỉ qua đêm) tại cơ sở lưu trú.

Ví dụ: Khách sạn Hải Âu trong ngày 1/9/2016 có tiếp nhận 2 đoàn khách quốc tế: đoàn 1 gồm 10 người đến nghỉ 3 ngày, đoàn 2 có 5 người đến nghỉ buổi trưa trong 2 giờ. Như vậy, số lượt khách quốc tế trong ngày 1/9/2016 mà khách sạn Hải Âu phục vụ là: $10 \text{ người} + 5 = 15 \text{ người}$. *Trong đó:* chia ra lượt khách trong ngày là 5 người và khách ngủ qua đêm là 10 người.

Lưu ý:

- Lượt khách đến khách sạn không phân biệt lứa tuổi, kể cả người già (trên 65 tuổi) và trẻ em (dưới 15 tuổi) đi cùng đều được tính là lượt khách cho mỗi người.

- Một người đến nghỉ nhiều lần thì mỗi lần đều tính là một lượt;

- Nếu thuê phòng qua đêm (đã thanh toán tiền phòng) nhưng vì lý do nào đó mà không ngủ lại tại cơ sở thì vẫn tính là lượt khách ngủ qua đêm.

- Số ngày khách do cơ sở lưu trú phục vụ: chỉ tính số ngày khách ngủ lại qua đêm tại cơ sở lưu trú.

Trong đó: ngày khách quốc tế: được tính là số ngày mà khách là người mang quốc tịch nước ngoài và Việt kiều thuê phòng nghỉ qua đêm tại cơ sở lưu trú.

- Tổng số ngày sử dụng buồng (hoặc giường): được tính bằng cách cộng tổng số ngày mà các phòng (hoặc giường) của cơ sở được khách thuê để lưu trú qua đêm.

- Trị giá vốn hàng chuyển bán (chỉ áp dụng đối với các cơ sở hoạt động dịch vụ ăn uống), được tính là tổng số tiền vốn cơ sở bỏ ra để mua số hàng hóa mà cơ sở không cần phải chế biến để bán cho khách và đã được bán ra trong 6 tháng đầu năm 2017, đồng thời dự tính số tiền vốn bỏ ra để mua hàng hóa về bán trong 6 tháng cuối năm 2017. Không tính trị giá vốn của hàng chuyển bán còn tồn chưa bán được.

- Trị giá vốn bất động sản đã bán: chỉ áp dụng đối với cơ sở có hoạt động mua bất động sản, sau đó bán lại cho người có nhu cầu sử dụng.

Trị giá vốn bất động sản là số tiền thực tế cơ sở kinh doanh bất động sản bỏ ra để mua các loại bất động sản để bán lại cho khách hàng. Chỉ tính trị giá vốn bất động sản tương đương với số bất động sản đã hoàn tất thủ tục mua bán (kể cả đã hoặc chưa thu được tiền) và ước tính trị giá vốn của những bất động sản dự tính sẽ bán được trong 6 tháng cuối năm 2017.

Phụ lục 1: CÁC MẪU PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

	TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017
Phiếu 2/TĐTKT-CT	Cơ sở số (CQ thống kê ghi)
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SXKD CÁ THỂ <i>(Áp dụng cho các cơ sở không thuộc danh sách điều tra mẫu kết quả SXKD)</i>	
Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.	- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê; - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.
Nguyên tắc điền phiếu: - Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x); - Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp; - Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.	
1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):	
2. Địa chỉ của cơ sở:	
Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương:	Cơ quan TK ghi
Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):	
Xã/phường/thị trấn:	
Thôn, ấp (số nhà, đường phố):	
Số điện thoại:	Mã khu vực Số máy
Số fax của cơ sở:	
Email của cơ sở:	
MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH	
A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?	
.....	
Cơ quan TK ghi 	
<i>(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)</i>	
A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã)	
1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, là nhà của chủ cơ sở 2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn) 3. Là siêu thị, cửa hàng tiện ích (minimax) 4. Tại siêu thị, Trung tâm thương mại 5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...) 6. Tại địa điểm khác (ghi rõ)	

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?

(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Họ và tên:.....

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

--	--	--	--

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):.....

--	--

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất).....

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 6. Đại học |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 7. Thạc sỹ |
| 3. Sơ cấp | 8. Tiền sỹ |
| 4. Trung cấp | 9. Trình độ khác (ghi rõ)..... |
| 5. Cao đẳng | |

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?

(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')

Từ.....đến.....

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

- | | |
|---|---|
| 1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy |
| 2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 4. Không phải đăng ký kinh doanh |

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không →
- Chuyển câu A8**

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- | | | | |
|---|--|--|--|
| - Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td><td></td></tr></table> ngày | | |
| | | | |
| - Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> tháng | | |
| | | | |
| - Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> tháng | | |
| | | | |

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)

B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), **cơ sở của ông/bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu?**
(tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng có hoạt động SXKD (trong 6 tháng đầu năm 2017) là bao nhiêu nghìn đồng? (lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở năm 2017 là bao nhiêu nghìn đồng? (*)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

(*) Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp các câu hỏi mục E.

MỤC D. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

D1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không?

(không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có 2. Không → **Chuyển câu D3**

D2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà?

Người

D3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không?

1. Có 2. Không → **Chuyển mục E nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên**

D4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet (ít nhất 1 lần một tuần)

Người

D5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không?

(có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)?

1. Có 2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

D6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không?

(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện).

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài liệu, học online...)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

**MỤC E. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ
VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

E1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được → **Chuyển câu E3**

E2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào?

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước 3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước
2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình 4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

E3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không?

1. Có 2. Không → **Chuyển câu E6**

E4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục 4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn
2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác 5. Lý do khác (ghi rõ).....
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước

E5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp?

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh 2. Thông tin về vay vốn
2. Thông tin về thuế 4. Thông tin khác (ghi rõ).....

E6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Không muốn thay đổi 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng
2. Phải nộp thuế cao hơn 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký
3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế 6. Lý do khác (ghi rõ).....

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!**Điều tra viên**

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Tổ trưởng

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Người trả lời phỏng vấn

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2A/TĐTKT-CN

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

Xã/phường/thị trấn:

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Số điện thoại:

Số fax của cơ sở:

Email của cơ sở:

Mã khu vực

Số máy

Cơ quan TK ghi

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?

Cơ quan TK ghi

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã, trừ mã 3 và 4)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ)

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?*(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

- Họ và tên:

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

1. Chưa qua đào tạo

6. Đại học

2. Đào tạo dưới 3 tháng

7. Thạc sỹ

3. Sơ cấp

8. Tiến sỹ

4. Trung cấp

9. Trình độ khác (ghi rõ).....

5. Cao đẳng

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?*(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')*

Từ đến

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy

2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

4. Không phải đăng ký kinh doanh

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không ?

1. Có

2. Không

→ Chuyển câu A8

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?**A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?**

- Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017

- Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017

- Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG*(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)***B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?**

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), cơ sở của ông/ bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu? (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng có hoạt động SXKD (trong 6 tháng đầu năm 2017) là bao nhiêu nghìn đồng?
(lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở năm 2017 là bao nhiêu nghìn đồng? (*)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

(*) Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp các câu hỏi mục H.

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ
(Đối với TSCĐ chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)

	Mã số	Giá trị (1000 đồng)
A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)	01	
Trong đó: Máy móc, thiết bị	02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm	03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017	04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017	05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD	06	

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu? Đơn vị tính: 1000 đồng				
	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	x		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	04			
+ Thuế xuất khẩu	05			
+ Thuế thu nhập	06			

MỤC F. SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT					
(Ghi các sản phẩm được sản xuất bằng nguyên vật liệu của chủ cơ sở và sản phẩm do cơ sở gia công bên ngoài)					
Trong năm 2016 và 2017, cơ sở của ông/bà sản xuất (hoặc nhận gia công) những loại sản phẩm nào và lượng (số lượng hoặc khối lượng) từng sản phẩm là bao nhiêu?					
Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm năm 2016	Lượng sản phẩm 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến lượng sản phẩm 6 tháng cuối năm 2017
A	B	C	1	2	3
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
.....					

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET	
G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không? (không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử) 1. Có 2. Không Chuyển câu G3	
G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà? Người	
G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không? 1. Có 2. Không Chuyển mục H nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên	
G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet (ít nhất 1 lần một tuần) Người	
G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không? (có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)? 1. Có 2. Không Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở	

G6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không?

(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện).

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài liệu, học online....)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

**MỤC H. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ
VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

H1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được → **Chuyển câu H3**

H2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào?

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước 3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước
2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình 4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

H3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không?

1. Có 2. Không → **Chuyển câu H6**

H4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục 4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn
2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác 5. Lý do khác (ghi rõ).....
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước

H5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp?

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh 3. Thông tin về vay vốn
2. Thông tin về thuế 4. Thông tin khác (ghi rõ).....

H6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Không muốn thay đổi 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng
2. Phải nộp thuế cao hơn 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký
3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế 6. Lý do khác (ghi rõ).....

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!

Điều tra viên

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Tổ trưởng

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Người trả lời phỏng vấn

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2B/TĐTKT-VT

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

Xã/phường/thị trấn:

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Cơ quan TK ghi

--	--

--	--	--

--	--	--	--	--

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

Số điện thoại:

Số fax của cơ sở:

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

Email của cơ sở:

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?

Cơ quan TK ghi

--	--	--	--	--

VSIC 2007 - Cấp 5

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã, trừ mã 3)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ)

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?*(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

- Họ và tên:.....

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

--	--	--	--

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):

--	--

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 6. Đại học |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 7. Thạc sỹ |
| 3. Sơ cấp | 8. Tiến sỹ |
| 4. Trung cấp | 9. Trình độ khác (ghi rõ)..... |
| 5. Cao đẳng | |

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?*(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')*

Từ..... đến.....

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

- | | |
|---|---|
| 1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy |
| 2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 4. Không phải đăng ký kinh doanh |

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không

→ Chuyển câu A8

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017

--	--

 ngày

- Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017

--

 tháng

- Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017

--

 tháng**MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG***(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)***B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?**

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), cơ sở của ông/bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu? (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng cơ sở thu được bao nhiêu tiền phí vận chuyển và cung cấp dịch vụ? (trong 6 tháng đầu năm 2017) (lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền nhận được do vận chuyển và cung cấp từng dịch vụ dưới đây?(*)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
1. Vận chuyển hành khách			
- Cơ sở kê khai	01		
- Điều tra viên tính	02		
2. Vận chuyển hàng hóa			
- Cơ sở kê khai	03		
- Điều tra viên tính	04		
3. Dịch vụ kho, bãi, lưu giữ hàng hóa			
- Cơ sở kê khai	05		
- Điều tra viên tính	06		
4. Dịch vụ bốc xếp			
- Cơ sở kê khai	07		
- Điều tra viên tính	08		
5. Dịch vụ hỗ trợ vận tải khác			
- Cơ sở kê khai	09		
- Điều tra viên tính	10		

(*) Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp các câu hỏi mục H.

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ		
(Đối với TSCĐ chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD, có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)		
	Mã số	Giá trị (1000 đồng)
A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)	01	
Trong đó: Máy móc, thiết bị	02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm	03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017	04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017	05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD	06	

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu?				
Đơn vị tính: 1000 đồng				
	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
Trong đó:				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	x		

MỤC F. KHỐI LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN			
F1. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về vận chuyển hành khách và hàng hóa của cơ sở trong năm 2017?			
	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự tính 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
1. Vận chuyển hành khách			
- Số lượt hành khách vận chuyển	H.Khách		
- Số lượt hành khách luân chuyển	HK.Km		
2. Vận chuyển hàng hóa			
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn		
- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	Tấn.Km		

F2. Ông/bà cho biết một số thông tin về số lượng và trọng tải của một số phương tiện vận chuyển của cơ sở có đến ngày 01/7/2017?			
	Mã số	Số phương tiện (chiếc)	Trọng tải (chỗ/tấn)
A	**B**	**1**	**2**
1. Phương tiện chở khách			
(cột trọng tải ghi số chỗ ngồi)			
- Ô tô chở khách từ 9 chỗ trở lên	01		
- Ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi	02		
- Tàu, thuyền, ca nô chở khách	03		
- Phương tiện cơ giới khác	04		
- Phương tiện chở khách thô sơ	05		

Loại phương tiện	Mã số	Số phương tiện (chiếc)	Trọng tải (chỗ/tấn)
A	B	1	2
2. Phương tiện chở hàng (cột trọng tải ghi tấn)			
- Ô tô vận tải hàng hóa từ 5 tấn trở lên	06		
- Ô tô vận tải hàng hóa dưới 5 tấn	07		
- Tàu, thuyền, ca nô vận tải hàng hóa	08		
- Phương tiện cơ giới khác	09		
- Phương tiện vận tải hàng hóa thô sơ	10		

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không?
(không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có 2. Không → Chuyển câu G3

G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà? Người

G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không?

1. Có 2. Không → Chuyển mục H nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên

G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet
(ít nhất 1 lần một tuần) Người

G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không?
(có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)?

1. Có 2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

G6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không?
(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện).

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online...)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

MỤC H. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

H1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được → **Chuyển câu H3**

H2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào?

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước 3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước
2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình 4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

H3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không?

1. Có 2. Không → **Chuyển câu H6**

H4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục 4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn
2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác 5. Lý do khác (ghi rõ).....
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước

H5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp?

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh 3. Thông tin về vay vốn
2. Thông tin về thuế 4. Thông tin khác (ghi rõ).....

H6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Không muốn thay đổi 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng
2. Phải nộp thuế cao hơn 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký
3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế 6. Lý do khác (ghi rõ).....

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!

Điều tra viên

Tổ trưởng

Người trả lời phỏng vấn

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Điện thoại:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Ký tên:.....

Ký tên:.....



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2C/TĐTKT-TN

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG BÁN BUÔN; BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

Xã/phường/thị trấn:

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Mã khu vực

Số máy

Số điện thoại:

Số fax của cơ sở:

Email của cơ sở:

Cơ quan TK ghi

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?

Cơ quan TK ghi

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, Trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ).....

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?*(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

- Họ và tên:

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

--	--	--	--

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):

--	--

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất)

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 6. Đại học |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 7. Thạc sỹ |
| 3. Sơ cấp | 8. Tiến sỹ |
| 4. Trung cấp | 9. Trình độ khác (ghi rõ)..... |
| 5. Cao đẳng | |

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?*(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')*

Từ đến

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

- | | |
|---|---|
| 1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy |
| 2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 4. Không phải đăng ký kinh doanh |

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không →
- Chuyển câu A8**

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- | | | | | |
|---|---|--|-------|------|
| - Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td><td></td></tr></table> | | | ngày |
| | | | | |
| - Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> | | tháng | |
| | | | | |
| - Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> | | tháng | |
| | | | | |

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG*(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)***B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?**

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), cơ sở của ông/ bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu? (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng có hoạt động SXKD (trong 6 tháng đầu năm 2017) là bao nhiêu nghìn đồng?
(lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở năm 2017 là bao nhiêu nghìn đồng?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C3. Cơ sở của ông/bà bán loại hàng hóa hay cung cấp dịch vụ nào dưới đây?

1. Bán hoặc sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, bán phụ tùng của các loại xe nói trên?

→ Chuyển câu C4

2. Bán buôn, bán lẻ hàng hóa khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy hoặc xe có động cơ khác)

→ Chuyển câu C5

C4. Nếu có, cơ sở đã bán những loại xe nào với số lượng và giá trị là bao nhiêu? (*)					
	Mã số	6 tháng đầu năm 2017		Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017	
		Số lượng (Chiếc)	Giá trị (1000 đ)	Số lượng (Chiếc)	Giá trị (1000 đ)
A	B	1	2	3	4
I. Tổng số (01=03+05+06+08+09+11+13+15)	01				
<i>Trong đó: bán lẻ (02=04+07+10+12+14+16)</i>	02				
1. Bán ô tô loại 9 chỗ ngồi trở xuống (cũ và mới)	03				
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	04				
2. Bán ô tô loại khác, loại cũ và mới (trừ ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống)	05				
3. Bán phụ tùng, bộ phận phụ trợ của ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	06	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	07	x		x	
4. Bán phụ tùng, bộ phận phụ trợ của ô tô loại khác (trừ ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống)	08	x		x	
5. Bán mô tô, xe máy	09				
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	10				
6. Bán phụ tùng mô tô, xe máy	11	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	12	x		x	
7. Bán xe có động cơ khác và phụ tùng	13	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	14	x		x	
8. Bán phương tiện đi lại khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy) và phụ tùng	15	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	16	x		x	
II. Trị giá vốn hàng bán (tương ứng với tổng doanh thu mã 01)	17	x		x	
III. Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	18				
1. Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô các loại	19				
2. Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	20				

C5. Số tiền thu được do bán hàng của một số nhóm/mặt hàng dưới đây (kể cả vốn và lãi)(*)					
<i>Đơn vị tính: 1000 đồng</i>					
Tên nhóm hàng	Mã số	6 tháng đầu năm 2017		Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017	
		Tổng số	Trong đó: Bán lẻ	Tổng số	Trong đó: Bán lẻ
A	B	1	2	3	4
I. Tổng số tiền thu được do bán hàng					
Cơ sở kê khai	01				
Điều tra viên tính	02				
1. Lương thực, thực phẩm					
Cơ sở kê khai	03				
Điều tra viên tính	04				
2. Hàng may mặc, giày dép					
Cơ sở kê khai	05				
Điều tra viên tính	06				
3. Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình					
Cơ sở kê khai	07				
Điều tra viên tính	08				
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục					
Cơ sở kê khai	09				
Điều tra viên tính	10				
5. Gỗ và vật liệu xây dựng					
Cơ sở kê khai	11				
Điều tra viên tính	12				
6. Phân bón, thuốc trừ sâu					
Cơ sở kê khai	13				
Điều tra viên tính	14				
7. Xăng, dầu các loại					
Cơ sở kê khai	15				
Điều tra viên tính	16				
8. Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)					
Cơ sở kê khai	17				
Điều tra viên tính	18				
9. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm					
Cơ sở kê khai	19				
Điều tra viên tính	20				
10. Hàng hóa khác					
Cơ sở kê khai	21				
Điều tra viên tính	22				
II. Trị giá vốn của hàng đã bán ra					
Cơ sở kê khai	23				
Điều tra viên tính	24				

(*) Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 mục C4 hoặc C5 cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp câu hỏi mục H.

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ

(Đối với TSCĐ, chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)

	Mã số	Giá trị (1000 đồng)
A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)	01	
Trong đó: Máy móc, thiết bị	02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm	03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017	04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017	05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD	06	

D6. Diện tích mặt bằng dùng cho SXKD hiện tại của cơ sở là bao nhiêu mét vuông m²

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
Trong đó:				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	X		

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không?

(không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có

2. Không

→ Chuyển câu G3

G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà?

người

G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không?

1. Có

2. Không

→ Chuyển mục H nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên

G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet

(ít nhất 1 lần một tuần)

người

G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không?

(có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)?

1. Có

2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện)

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài liệu, học online....)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được **→ Chuyển câu H3**

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước

2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình

3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước

4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

1. Có 2. Không **→ Chuyển câu H6**

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục
2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước
4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn
5. Lý do khác (ghi rõ).....

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh
2. Thông tin về thuế
3. Thông tin về vay vốn
4. Thông tin khác (ghi rõ).....

1. Không muốn thay đổi
2. Phải nộp thuế cao hơn
3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế
4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng
5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký
6. Lý do khác (ghi rõ).....

Điều tra viên	Tổ trưởng	Người trả lời phỏng vấn
Họ và tên:.....	Họ và tên:.....	Họ và tên:.....
Điện thoại:.....	Điện thoại:.....	Điện thoại:.....
Ký tên:.....	Ký tên:.....	Ký tên:.....



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2D/TĐTKT-DV

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG LƯU TRÚ, ĂN UỐNG VÀ MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁC

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

Xã/phường/thị trấn:

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Cơ quan TK ghi

--	--

--	--	--

--	--	--	--	--

Mã khu vực

Số máy

Số điện thoại:

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

Số fax của cơ sở:

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

Email của cơ sở:

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?

Cơ quan TK ghi

--	--	--	--	--

VSIC 2007 - Cấp 5

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ)

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?*(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

- Họ và tên:

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

--	--	--	--

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):

--	--

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 6. Đại học |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 7. Thạc sỹ |
| 3. Sơ cấp | 8. Tiến sỹ |
| 4. Trung cấp | 9. Trình độ khác (ghi rõ)..... |
| 5. Cao đẳng | |

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?*(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')*

Từ..... đến.....

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

- | | |
|---|---|
| 1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy |
| 2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 4. Không phải đăng ký kinh doanh |

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không?

- | | | |
|-------|----------|-----------------|
| 1. Có | 2. Không | → Chuyển câu A8 |
|-------|----------|-----------------|

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- | | | | | |
|---|---|--|-------|------|
| - Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td><td></td></tr></table> | | | ngày |
| | | | | |
| - Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> | | tháng | |
| | | | | |
| - Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017 | <table border="1"><tr><td></td></tr></table> | | tháng | |
| | | | | |

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG*(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)***B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?**

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), cơ sở của ông/ bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu? (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng có hoạt động SXKD (trong 6 tháng đầu năm 2017) là bao nhiêu nghìn đồng?
(lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở năm 2017 là bao nhiêu nghìn đồng? (*)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

() Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp các câu hỏi mục H.*

C3. Ông/bà cho biết TRỊ GIÁ VỐN hàng chuyển bán (tương ứng với số tiền thu được từ hàng chuyển bán) hoặc trị giá vốn bất động sản đã bán ra trong 6 tháng đầu năm 2017 của cơ sở là bao nhiêu nghìn đồng?

- Cơ sở kê khai - Điều tra viên tính

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ
(Đối với TSCĐ, chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)

	Mã số	Giá trị (1000 đồng)
A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)	01	
Trong đó: Máy móc, thiết bị	02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm	03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017	04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017	05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD	06	

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	x		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	04			

MỤC F. MỘT SỐ THÔNG TIN DÀNH RIÊNG CHO CƠ SỞ Y TẾ VÀ LƯU TRÚ

F1. Cơ sở của ông bà thuộc loại nào dưới đây? (chỉ áp dụng với cơ sở lưu trú)

- | | |
|----------------------------------|----------------------------|
| 1. Khách sạn dưới tiêu chuẩn sao | 3. Căn hộ du lịch |
| 2. Nhà nghỉ, nhà khách | 4. Loại khác (ghi rõ)..... |

F2. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây?

	Mã số	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	C	1	2
1. Số tiền bán thuốc chữa bệnh (Áp dụng đối với cơ sở y tế)	01	1000 đồng		
2. Số lượt khách do cơ sở phục vụ	02	Lượt khách		
<i>Trong đó: lượt khách quốc tế</i>	03	"		
- Lượt khách ngủ qua đêm	04	"		
<i>Trong đó: lượt khách quốc tế</i>	05	"		
- Lượt khách không ngủ qua đêm	06	"		
<i>Trong đó: lượt khách quốc tế</i>	07	"		
3. Số ngày khách phục vụ (chỉ tính khách có ngủ qua đêm)	08	Ngày khách		
<i>Trong đó: ngày khách quốc tế</i>	09	"		
4. Số ngày sử dụng buồng tại cơ sở	10	Ngày buồng		
5. Số ngày sử dụng giường tại cơ sở	11	Ngày giường		

6. Số buồng dùng để phục vụ khách có tại thời điểm 01/7/2017? (ĐVT: buồng)

7. Số giường dùng để phục vụ khách có tại thời điểm 01/7/2017? (ĐVT: giường)

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không?

(không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có

2. Không



Chuyển câu G3

G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà?

người

G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không?

1. Có

2. Không



Chuyển mục H nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên

G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet

(ít nhất 1 lần một tuần)

người

G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không?

(có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)?

1. Có

2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

G6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không?

(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện)

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài tài liệu, học online....)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

MỤC H. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP <i>(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)</i>		
H1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không? 1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được Chuyển câu H3		
H2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào? 1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước 2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình 3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước 4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....		
H3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không? 1. Có 2. Không Chuyển câu H6		
H4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp? 1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục 2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác 3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước 4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn 5. Lý do khác (ghi rõ).....		
H5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp? 1. Thông tin về đăng ký kinh doanh 2. Thông tin về thuế 3. Thông tin về vay vốn 4. Thông tin khác (ghi rõ).....		
H6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp? 1. Không muốn thay đổi 2. Phải nộp thuế cao hơn 3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký 6. Lý do khác (ghi rõ).....		
Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!		
Điều tra viên Họ và tên:..... Điện thoại:..... Ký tên:.....	Tổ trưởng Họ và tên:..... Điện thoại:..... Ký tên:.....	Người trả lời phỏng vấn Họ và tên:..... Điện thoại:..... Ký tên:.....

Phụ lục 2:

Mẫu phiếu “Phiếu giao nhận số lượng và kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu điều tra giữa điều tra viên và đội trưởng”

Mẫu 01/GN-P

**PHIẾU GIAO NHẬN SỐ LƯỢNG PHIẾU ĐIỀU TRA
GIỮA ĐIỀU TRA VIÊN VỚI ĐỘI TRƯỞNG**

- Họ và tên đội trưởng:.....
- Họ và tên điều tra viên:.....

Bảng 1: Kết quả nghiệm thu số lượng phiếu

STT	Loại phiếu	Số cơ sở theo danh sách	Số phiếu thực tế đã thu được	Tăng (+) Giảm (-)	Nguyên nhân tăng, giảm					
					Phát sinh ngoài danh sách	Không thu được theo danh sách	Chia ra			
							Không đúng đơn vị điều tra	Không tìm thấy địa chỉ	Đóng cửa	Khác
	Tổng số									
1	Phiếu 2/TĐTKT-CT									
2	Phiếu 2A/TĐTKT-CN									
3	Phiếu 2B/TĐTKT-VT									
4	Phiếu 2C/TĐTKT-TN									
5	Phiếu 2D/TĐTKT-DV									
6										

Bảng 2: Kết quả nghiệm thu chất lượng phiếu

STT	Loại phiếu	Tổng số	Phiếu không bị lỗi		Phiếu có lỗi, nhưng sửa ngay được		Phiếu có lỗi, phải hỏi lại cơ sở	
			Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
	Tổng số							
1	Phiếu 2/TĐTKT-CT							
2	Phiếu 2A/TĐTKT-CN							
3	Phiếu 2B/TĐTKT-VT							
4	Phiếu 2C/TĐTKT-TN							
5	Phiếu 2D/TĐTKT-DV							
6								

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm 2017

Đội trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỔ TAY ĐIỀU TRA VIÊN

KHỐI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ

NĂM 2017

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ VĂN CHIẾN

Biên tập:

NGUYỄN THÚY QUỲNH

Sửa bản in:

BAN BIÊN TẬP

Trình bày:

ANH TÚ - DŨNG THẮNG

In 66.400 cuốn, khổ 19 x 27 cm tại Công ty TNHH MTV In Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 750 Hồng Bàng, P1, Q11, TP.HCM; Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê, địa chỉ: 47-55 ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội; Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Mới, địa chỉ: 181 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
QĐXB số: 36/QĐ-NXBTK ngày 14/3/2017 của Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Thống kê.
Đăng ký xuất bản: 225-2017/CXBIPH/06-03/TK do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 25/01/2017.
In xong, nộp lưu chiểu: Quý I năm 2017.

SỔ TAY ĐIỀU TRA VIÊN
KHỐI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ
NĂM 2017

ISBN-13: 978-604-75-0616-3



9 786047 506163

SÁCH DO NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG

